NỘI DUNG 1 : TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Câu 1 **Phương án nào dưới đây liệt kê hai phân loại chính của Trí tuệ nhân tạo (AI)?**

A. AI Hẹp (ANI) và AI Siêu thông minh (ASI).

B. AI Hẹp (ANI) và AI Tổng quát (AGI).

C. AI Tổng quát (AGI) và AI Tự học (ALI).

D. AI Tổng quát (AGI) và AI Siêu thông minh (ASI).

Câu 2 **Phát biểu nào dưới đây phù hợp nhất khi nói về khả năng của Trí tuệ nhân tạo hẹp?**

A. Tự chuyển đổi để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau.

B. Suy luận và giải quyết các vấn đề phức tạp như con người.

C. Hiểu ngôn ngữ tự nhiên và tạo ra văn bản giống con người.

D. Giải quyết nhiệm vụ cụ thể theo những gì đã được học.

Câu 3 **Trí tuệ nhân tạo còn nhiều hạn chế ở khả năng nào sau đây?**

A. Học và tích luỹ tri thức.

B. Hiểu ngôn ngữ tự nhiên.

C. Cảm nhận cảm xúc.

D. Giải quyết vấn đề.

Câu 4 **Phương án nào dưới đây nêu đúng về khả năng suy luận của AI?**

A. Trích xuất thông tin từ dữ liệu để học và tích luỹ tri thức.

B. Cảm nhận và hiểu biết môi trường thông qua các cảm biến và thiết bị đầu vào.

C. Vận dụng logic và tri thức để đưa ra quyết định hoặc kết luận.

D. Tìm ra cách giải quyết các tình huống phức tạp dựa trên thông tin và tri thức.

Câu 5 **Phương án nào dưới đây nêu đúng về khả năng học của AI?**

A. Trích xuất thông tin từ dữ liệu để học và tích luỹ tri thức.

B. Cảm nhận và hiểu biết môi trường thông qua các cảm biến và thiết bị đầu vào.

C. Khả năng vận dụng logic và tri thức để đưa ra quyết định hoặc kết luận.

D. Khả năng tìm ra cách giải quyết các tình huống phức tạp dựa trên thông tin và tri thức.

Câu 6 **YouTube được trang bị hệ thống trí tuệ nhân tạo để gợi ý cho người dùng. Hãy cho biết hệ thống này làm nhiệm vụ gì dưới đây?**

A. Hiển thị các quảng cáo phù hợp với người dùng.

B. Đề xuất các video dựa trên sở thích của người dùng.

C. Đề xuất các chức năng mới của YouTube.

D. Đề xuất các video có số lượng xem nhiều.

Câu 7 **Phần mềm nào dưới đây là trợ lí ảo của công ty Samsung?**

A. Google Assistant.

B. Alexa.

C. Bixby.

D. Siri.

Câu 8 **Phần mềm nào dưới đây là trợ lí ảo của công ty Amazon?**

A. Google Assistant.

B. Alexa.

C. Bixby.

D. Siri.

Câu 9 **Công nghệ nhận dạng khuôn mặt KHÔNG dùng trong công việc nào sau đây?**

A. Mở khoá điện thoại thông minh.

B. Kiểm soát ra vào toà nhà.

C. Tìm kiếm ảnh khuôn mặt trên Internet.

D. Xác minh danh tính tại sân bay.

Câu 10 **Hệ điều hành phổ biến nào được sử dụng trong các máy tính dùng để chia sẻ tài nguyên.**

A. Windows.

B. Android.

C. Windows Phone.

D. Ios.

Câu 11 **Khi kết nối máy tính để bàn với switch bằng cap Ethernet (RJ45), đèn tín hiệu tại cổng kết nối sáng lên điều gì ?**

A. Kết nối giữa máy tính và switch đã thành công

B. Kết nối giữa máy tính và switch không thành công

C. Switch đã phát hiện máy tính bị lỗi

D. Máy tính đang chờ đợi đến lượt kết nối switch

Câu 12 **Để chia sẻ máy in trên mạng cục bộ, thao tác đầu tiên cần thực hiện là gì?**

A. Thiết lập máy cung cấp dịch vụ in.

B. Tìm kiếm máy in mạng.

C. Kết nối máy in mạng từ các máy tính khác.

D. Thiết lập chế độ chia sẻ trên máy in mạng.

Câu 13 **Phương án nào sau đây hướng dẫn các bước kết nối (vật lý) máy tính để bàn với mạng bằng cáp UTP với giắc cắm RJ45?**

A. Cắm một đầu của cáp UTP vào cổng RJ45 của máy tính bàn, đầu còn lại cắm vào cổng kết nối (Hub, Switch, Router...).

B. Cắm cáp UTP vào cổng RJ45 của máy tính bàn và chờ khoảng 60 giây để tín hiệu cáp UTP kết nối với mạng.

C. Cắm một đầu của cáp UTP vào cổng RJ45 của máy tính bàn, đầu kia cắm vào cổng nguồn để nhận tín hiệu của cáp UTP kết nối với mạng.

D. Cắm cáp UTP vào cổng RJ45 của máy tính bàn và máy tính sẽ được tự động nhận kết nối tín hiệu của cáp UTP kết nối với mạng.

Câu 14 **Bộ định tuyến là thiết bị nào dưới đây?**

A. Router.

B. WAP.

C. Modem.

D. Switch.

Câu 15 **Mô tả nào dưới đây về thiết bị Access Point là đúng?**

A. Access Point là thiết bị kết nối trung tâm của mạng có dây, tương tự như Switch của mạng không dây.

B. Access Point là thiết bị mà mạng LAN bắt buộc phải có.

C. Access Point có chức năng tương tự như Switch, hai thiết bị này có thể thay thế vai trò của nhau trong mạng.

D. Thông thường để phủ sóng Wi-Fi cho một tòa nhà nhiều tầng thì cần lắp đặt nhiều Access Point..

Câu 16 **Khi nào có thể chia sẻ tài nguyên giữa các máy tính trong cùng một phòng?**

A. Khi các máy tính kết nối với nhau thông qua cáp mạng tạo thành mạng cục bộ.

B. Khi các máy tính kết nối với nhau thông qua mạng không dây tạo thành mạng cục bộ.

C. Khi các máy tính kết nối với nhau bằng nhiều hình thức tạo thành mạng cục bộ.

D. Khi máy tính chạy hệ điều hành Windows thì chia sẻ được trong cùng một phòng.

Câu 17 **Chức năng chia sẻ tài nguyên của hệ điều hành Windows từ phiên bản 10 trở về sau:**

A. Muốn thực hiện chức năng này phải tải về và cài đặt thêm.

B. Chức năng này chỉ cho phép chia sẻ tài nguyên trong mạng LAN.

C. Đây là chức năng được tích hợp sẵn của hệ điều hành.

D. Chức năng này được hệ điều hành thiết lập sẵn, không cần phải thao tác cấu hình.

Câu 18 **Khi kết nối máy tính với router qua cáp mạng, cổng nào sau đây của router được dùng để kết nối với máy tính?**

A. Cổng WAN.

B. Cổng LAN.

C. Cổng USB.

D. Cổng HDMI.

Câu 19 **Bước kiểm tra biểu tượng Wi-Fi trên thanh trạng thái của máy tính hoặc thiết bị di động là một bước quan trọng sau khi kết nối không dây vì bước này giúp**

A. xác nhận rằng thiết bị đã kết nối với mạng Wi-Fi thành công.

B. kiểm tra tốc độ kết nối Internet cao hay thấp.

C. cho bạn biết nhập mật khẩu Wi-Fi chính xác hay không.

D. xác nhận rằng cáp mạng không bị hỏng vẫn hoạt động bình thường.

Câu 20 **Phương án nào sau đây chỉ ra đúng cụm từ viết tắt của từ HTML?**

A. HyperText Markup Language

B. Home Testing Mixed Language

C. Home Typing Modern Language

D. Hot Typing Markup Language

Câu 21 **Phương án nào sau đây nêu đúng các thành phần của một phần tử (element) HTML?**

A. Thẻ mở, thuộc tính và thẻ đóng (nếu có).

B. Thẻ mở, thuộc tính và nội dung...

C. Nội dung, định dạng và liên kết ngoài.

D. Thẻ mở, thuộc tính, nội dung và thẻ đóng (nếu có).

Câu 22 **Thẻ HTML nào sau đây được sử dụng để thiết lập tiêu đề xuất hiện trên thanh tên của trình duyệt?**

A.

B.

C.